

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ L
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 159/2023/DS-ST

Ngày: 21-7-2023

Tranh chấp “Hợp đồng vay tài sản”;
“Hợp đồng bảo lãnh”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ L, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Quốc Nam

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Đặng Thị Mỹ Hương; Bà Phan Hoàng Mai

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Trương Phi – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố L, tỉnh An Giang

Ngày 21 tháng 7 năm 2023 tại Tòa án nhân dân thành phố L xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 241/2023/TLST-DS ngày 08/6/2023 về tranh chấp “Hợp đồng vay tài sản” và “Hợp đồng bảo lãnh” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 348/2023/QĐXXST-DS ngày 05/7/2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Lâm Đình T1, sinh năm 1981. Có mặt

Bà Lại Diễm T2, sinh năm 1983. Có mặt

Nơi cư trú: Số 125, đường Y Lan, khóm Bình Khánh 7, phường Bình Khánh, thành phố L, tỉnh An Giang.

Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn Hoàng – Luật sư thuộc Đoàn luật sư tỉnh An Giang. Có mặt

2. Bị đơn: Ông Huỳnh Phạm Phú C, sinh năm 1983.

Nơi cư trú: Số 13A3, đường Nguyễn Thái Bình, khóm Bình Khánh 2, phường Bình Khánh, thành phố L, tỉnh An Giang.

Bà Nguyễn Thị Thu H, sinh năm 1984. Vắng mặt

Nơi cư trú: Số 66, đường Đinh Công Tráng, khóm Bình Khánh 2, phường Bình Khánh, thành phố L, tỉnh An Giang.

Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của bà H: Ông Trần Tiến Vinh – Luật sư thuộc Đoàn luật sư tỉnh An Giang. Có mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 10/4/2023 và đơn khởi kiện bổ sung ngày 23/5/2023 cùng lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn trình bày:

Ông Lâm Đình T1 có quen biết ông Huỳnh Phạm Phú C là nhân viên Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam chi nhánh An Giang. Ngày 04/10/2022, ông C có giới thiệu bà Nguyễn Thị Thu H đến gặp ông T1 để vay số tiền 500.000.000 đồng, hai bên có ký biên nhận vay tiền, không thỏa thuận lãi suất, thời hạn vay là 28 ngày (từ ngày 04/10/2022 đến 31/10/2022). Tuy nhiên, khi đến hạn thì bà H không trả tiền và xin gia hạn nhiều lần. Đến ngày 25/02/2023, ông T1 có mời ông C, bà H đến nhà để thương lượng việc trả nợ. Tại đây, bà H cam kết sẽ thanh toán nợ gốc, lãi cho ông T1 vào ngày 31/3/2023 và ông C cũng viết cam kết bảo lãnh nợ thay cho bà H, nếu đến hạn bà H không trả được nợ. Đến nay, đã quá hạn trả nợ nhưng bà H không thực hiện, vi phạm nghĩa vụ trả nợ, ông C vi phạm nghĩa vụ bảo lãnh. Do đó, ông T1, bà T2 yêu cầu Tòa án buộc ông C, bà H phải liên đới trách nhiệm trả cho ông bà số tiền gốc là 500.000.000 đồng, yêu cầu tính lãi 20%/năm từ ngày 16/02/2023 đến hết ngày 31/5/2023 là 29.166.667 đồng. Ông bà đồng ý khấu trừ 50% số tiền lãi đã nhận từ 04/10/2022 đến ngày 15/02/2022 là $161.500.000 \text{ đồng} / 2 = 80.750.000 \text{ đồng}$, số tiền này trừ tiếp vào tiền lãi từ ngày 16/02/2023 đến ngày 31/5/2023 là 29.166.667 đồng, còn dư lại tiền lãi 51.583.333 đồng, trừ vào tiền gốc. Như vậy, ông C và bà H phải có trách nhiệm liên đới trả ông T1, bà T2 số tiền 500.000.000 đồng – 51.583.333 đồng = 448.416.667 đồng và yêu cầu tính lãi theo quy định pháp luật cho đến ngày thanh toán xong nợ.

Bị đơn Huỳnh Phạm Phú C trình bày: Ông có giới thiệu bà Nguyễn Thị Thu H vay tiền của ông Lâm Đình T1, số tiền vay là 500.000.000 đồng, việc các bên thỏa thuận lãi, trả vốn như thế nào thì ông không biết, vì ông không sử dụng số tiền này. Tuy nhiên, bà H không trả nợ như đã cam kết nên ngày 25/02/2023, ông T1 có mời ông đến quán cà phê (quán của ông T1) để buộc ông có trách nhiệm với số tiền của bà H vay, do nơi đông người, không muốn các bên cự cãi nên ông có ký vào biên nhận nợ với nội dung: “Nếu tới ngày 31/3/2023, cô Nguyễn Thị Thu H không trả nợ cho vợ chồng anh T1 số tiền 500.000.000 đồng, tôi sẽ chịu trách nhiệm trước pháp luật, sẽ trả 500.000.000 đồng này”. Tuy nhiên, đến hạn thì bà H không thanh toán nợ nên ông T1, bà T2 khởi kiện buộc ông phải liên đới trả nợ thì ông không đồng ý, vì ông chỉ là người giới thiệu nên không chịu trách nhiệm bảo lãnh, bà H có giấy xác nhận ngày 09/4/2023 khẳng định việc này.

Bị đơn Nguyễn Thị Thu H vắng mặt trong thời gian chuẩn bị xét xử, nhưng gửi tờ tự khai ngày 03/7/2023 trình bày ý kiến như sau: Bà H thừa nhận có vay của ông T1, bà T2 số tiền 500.000.000 đồng vào ngày 04/10/2022 và đã đóng lãi được 20 lần với số tiền 240.000.000 đồng theo các chứng từ chuyển khoản qua ngân hàng vào tài khoản cho ông T1, bà T2. Đối với yêu cầu khởi

kiện của ông T1, bà T2 buộc bà H phải trả số tiền 448.416.677 đồng thì bà không đồng ý, vì số tiền lãi bà H đã đóng vượt quá quy định pháp luật. Do đó, yêu cầu được tính lãi 10%/năm x 08 tháng (từ thời gian vay tháng 10/2022 đến tháng 6/2023) = 33.200.000 đồng + nợ gốc 500.000.000 đồng – 240.000.000 đồng lãi đã đóng = 293.000.000 đồng.

Tại phiên tòa dân sự sơ thẩm:

Nguyên đơn xác định việc thỏa thuận cho bị đơn Nguyễn Thị Thu H vay số tiền 500.000.000 đồng qua giới thiệu của bị đơn Huỳnh Phạm Phú C, thời hạn vay là 28 ngày, không ghi lãi trong biên nhận vay tiền nhưng bà H đóng hàng tuần là 12.000.000 đồng, nguyên đơn nhận lãi được 20 lần. Do bà H vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên nguyên đơn yêu cầu Tòa án buộc bà H phải có nghĩa vụ trả số tiền vay nêu trên và yêu cầu tính lãi theo quy định pháp luật kể từ ngày vay cho đến ngày xét xử sơ thẩm, đồng ý khấu trừ vào số tiền lãi 240.000.000 đồng đã nhận. Yêu cầu buộc ông C phải có trách nhiệm thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh khi bà H không trả nợ.

Bị đơn Huỳnh Phạm Phú C thừa nhận có giới thiệu bị đơn Nguyễn Thị Thu H vay tiền của nguyên đơn, việc các bên thỏa thuận lãi như thế nào thì ông C không biết. Tuy nhiên hàng tuần, ông T1 có đưa cho ông số tiền 3.500.000 đồng và cho rằng đây là phần tiền lãi của bà H đóng. Ông không đồng ý nhận nhưng ông T1 bảo là hỗ trợ chi phí đi lại nên ông có nhận được tổng số tiền là 70.000.000 đồng, ông sẽ trả lại cho ông T1. Đối với trách nhiệm bảo lãnh thì ông đồng ý trả nợ cho bà H trong trường hợp bà H không thanh toán nợ cho nguyên đơn theo tờ cam kết ngày 25/02/2023.

Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn, luật sư Nguyễn Văn Hoàng trình bày: Yêu cầu Tòa án chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn Nguyễn Thị Thu H phải có nghĩa vụ trả nợ cho nguyên đơn số tiền gốc, lãi từ thời gian vay 04/10/2022 đến ngày xét xử sơ thẩm là 21/7/2023, nguyên đơn đồng ý khấu trừ vào số tiền lãi đã nhận là 240.000.000 đồng. Trường hợp bà H không thực hiện nghĩa vụ trả nợ thì buộc ông C phải có nghĩa vụ trả nợ theo nội dung bảo lãnh ngày 25/02/2023.

Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp cho bị đơn, luật sư Trần Tiến Vinh trình bày: Thống nhất với nguyên đơn về số tiền bà H vay là 500.000.000 đồng, lãi không ghi vào biên nhận nhưng bà H tự nguyện đóng lãi cho nguyên đơn mỗi tuần là 12.000.000 đồng, đóng được 20 lần với số tiền là 240.000.000 đồng. Qua yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, bà H yêu cầu tính lãi theo quy định pháp luật từ thời gian vay đến ngày xét xử và được khấu trừ vào số tiền lãi bà đã đóng cho nguyên đơn là 240.000.000 đồng. Yêu cầu Hội đồng xét xử xem xét, chấp nhận yêu cầu của bà H.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng

Tranh chấp giữa các đương sự là tranh chấp về giao dịch dân sự, hợp đồng dân sự thuộc thẩm quyền của Tòa án theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015.

Bị đơn Nguyễn Thị Thu H có đơn xin vắng mặt trong quá trình tố tụng. Do đó, căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về nội dung tranh chấp

[2.1] Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn cùng các chứng cứ trong hồ sơ, thể hiện: Giữa nguyên đơn và bị đơn Nguyễn Thị Thu H có thỏa thuận vay tiền, bị đơn ký giấy biên nhận tiền ngày 04/10/2022 thể hiện số tiền vay là 500.000.000 đồng, lãi thỏa thuận các bên tự thỏa thuận, không ghi vào biên nhận, ngày trả tiền là 28 ngày kể từ ngày ký biên nhận tiền. Như vậy, các bên có thỏa thuận giao dịch dân sự bằng hình thức vay và cho vay tài sản theo quy định tại Điều 463, Điều 466, Điều 470 Bộ luật Dân sự năm 2015. Quá trình vay, các bên thống nhất, bà H có đóng lãi hàng tuần cho nguyên đơn là 12.000.000 đồng, đóng được 20 lần thì ngưng và bà H nhiều lần cam kết trả nợ nhưng không thực hiện, điều này đã xâm phạm quyền, lợi ích hợp pháp của nguyên đơn về tài sản nên nguyên đơn khởi kiện buộc bị đơn phải thực hiện nghĩa vụ trả nợ là có cơ sở.

[2.2] Đối với yêu cầu tính lãi suất, tại đơn khởi kiện nguyên đơn yêu cầu tính lãi 20%/năm và đồng ý khấu trừ 50% số tiền lãi đã nhận từ ngày 04/10/2022 đến ngày 15/02/2022. Tuy nhiên, tại phiên tòa nguyên đơn thay đổi yêu cầu khởi kiện về phần tính lãi, yêu cầu tính lãi theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự đối với hợp đồng vay không xác định rõ lãi suất, thời gian tính lãi từ ngày 04/10/2022 đến ngày 21/7/2023 trên số tiền vay 500.000.000 đồng và tự nguyện khấu trừ vào số tiền lãi đã nhận. Xét thấy, yêu cầu này không vượt quá yêu cầu khởi kiện ban đầu và phù hợp với yêu cầu của bị đơn Nguyễn Thị Thu H nên được Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận. Như vậy, thời gian tính lãi từ ngày 04/10/2022 đến ngày xét xử là ngày xét xử 21/7/2023 là 9 tháng 17 ngày x 500.000.000 đồng x 10%/năm (0,833%/tháng) = 39.845.000 đồng, khấu trừ vào số tiền lãi 240.000.000 đồng nguyên đơn đã nhận = 200.155.000 đồng (số tiền lãi dư này sẽ tiếp tục khấu trừ vào tiền gốc 500.000.000 đồng). Do đó, bị đơn Nguyễn Thị Thu H phải có trách nhiệm trả cho nguyên đơn số tiền 299.845.000 đồng.

[2.3] Đối với nghĩa vụ bảo lãnh, tại đơn khởi kiện nguyên đơn yêu cầu bị đơn Huỳnh Phạm Phú C phải có nghĩa vụ liên đới cùng bị đơn Nguyễn Thị Thu H trả nợ cho nguyên đơn. Tuy nhiên, tại phiên tòa nguyên đơn thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện, yêu cầu bà H phải trả nợ, còn nghĩa vụ bảo lãnh, phạm vi bảo lãnh của ông C chỉ phát sinh khi bà H không thực hiện nghĩa vụ và được ông C thống nhất. Xét thấy, yêu cầu này phù hợp với quy định tại các Điều 335, Điều 336, Điều 339, Điều 340, Điều 342 Bộ luật Dân sự năm 2015 nên được Hội đồng xét xử xem xét, chấp nhận.

[2.4] Đối với việc bị đơn Huỳnh Phạm Phú C thừa nhận có nhận một phần lãi do bà H đóng cho nguyên đơn, số tiền ông C nhận từ nguyên đơn là 3.500.000 đồng x 20 lần và tự nguyện trả lại số tiền này cho nguyên đơn. Xét thấy, nguyên đơn không khởi kiện buộc ông C phải có nghĩa vụ trả số tiền nêu trên nên Hội đồng xét xử không xét đến. Do đó, các bên tự thỏa thuận, thực hiện, trường hợp có tranh chấp thì khởi kiện thành vụ án dân sự khác, nếu các đương sự có đơn yêu cầu.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm

Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên được nhận lại tạm ứng án phí đã nộp. Bị đơn Nguyễn Thị Thu H phải nộp án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào:

Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 68, khoản 1 Điều 147, Điều 244, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, khoản 1 Điều 273, Điều 278 và khoản 1 Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Điều 335, Điều 336, Điều 339, Điều 340, Điều 342, Điều 463, Điều 466, Điều 468 và Điều 470 Bộ luật Dân sự 2015;

Điều 2, Điều 6, Điều 7, Điều 9 và Điều 30 Luật Thi hành án dân sự;

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và án phí Tòa án.

Tuyên xử:

[1] Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Buộc bà Nguyễn Thị Thu H phải có nghĩa vụ trả cho ông Lâm Đình T1, bà Lại Diễm T2 số tiền 299.845.000 đồng.

Ông Huỳnh Phạm Phú C phải thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh trong trường hợp bà Nguyễn Thị Thu H không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả số tiền 299.845.000 đồng cho ông Lâm Đình T1, bà Lại Diễm T2.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án hoặc bên thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

[2] Về án phí sơ thẩm

Bà Nguyễn Thị Thu H2 phải nộp 14.992.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả lại cho ông Lâm Đình T1, bà Lại Diễm T2 10.968.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0001824 ngày 06/6/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố L.

[3] Về quyền kháng cáo

Nguyên đơn, bị đơn có mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

(Giải thích Điều 26 Luật Thi hành án dân sự)

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND Tp.L;
- Chi cục THADS Tp.L;
- Phòng KTNV - TAND tỉnh An Giang;
- Lưu hồ sơ + VP.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Quốc Nam